

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 276/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 8 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam.

2. Ông Hà Bửu Khánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: [Ngân hàng N1](#).

1.1. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông [Phạm Toàn V](#)-chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: [Số A T, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội](#).

1.2. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông [Dương Trần Nhật L](#)-chức vụ: Giám đốc [Ngân hàng N1 chi nhánh B](#).

1.3. Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Ông [Trình Hoàng G](#)-chức vụ: Phó giám đốc [Ngân hàng N1 chi nhánh B](#) (văn bản ủy quyền ngày 20/11/2023, có mặt).

Địa chỉ: [Ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang](#).

2. Bị đơn: Bà [Thị N](#), sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: [Ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2023 của nguyên đơn và tại phiên tòa, ông [Trình Hoàng G](#) là người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/01/2021, bà [N](#) ký kết hợp đồng tín dụng số: 7714LAV202100008 với [Ngân hàng N1-chi nhánh B](#) (gọi tắt là Ngân hàng); nội dung hai bên thỏa thuận như sau: Ngân hàng cho bà [N](#) vay số tiền là 80.000.000 đồng, mục đích vay tiêu

dùng, hình thức vay tín chấp (trừ lương của bà [N](#)), thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày 06/01/2021) đến hết ngày 05/01/2026, lãi suất thỏa thuận là 11,5%/ năm (tại thời điểm ký kết), lãi suất được điều chỉnh từng thời kỳ, khi điều chỉnh lãi suất phía Ngân hàng thông báo cho bà [N](#) biết (cụ thể: Từ ngày 16/02/2023 đến ngày 30/6/2023 lãi suất là 14%/ năm; từ ngày 01/7/2023 đến nay lãi suất là 12,5%/ năm), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và lãi chậm trả tiền lãi là 10%/ năm, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi thực hiện theo kỳ (theo phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng tín dụng).

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà [N](#) đã thanh toán nợ cho phía Ngân hàng như sau: Tính đến ngày 09/01/2024, trả tiền vay vốn nhiều lần tổng cộng là 43.100.000 đồng; còn nợ lại là 36.900.000 đồng; kể từ ngày giải ngân đến ngày 15/8/2023, trả tiền lãi nhiều lần tổng cộng là 18.118.052 đồng; còn nợ tiền lãi, kể từ ngày 16/8/2023 đến nay.

Bà [N](#) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, Ngân hàng có thông báo và yêu cầu thanh toán nợ nhưng đến nay bà [N](#) vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

Chấm dứt hợp đồng tín dụng số: 7714LAV202100008 ngày 06/01/2021 giữa bà [N](#) với Ngân hàng trước thời hạn. Buộc bà [N](#) phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ, tính đến ngày 27/8/2024 tổng cộng là 41.751.781 đồng (trong đó, tiền vốn là 36.900.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 4.851.781 đồng). Đồng thời, yêu cầu bà [N](#) phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 28/8/2024 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bà [Thị Ngọc L1](#) bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: [Ngân hàng N1](#) khởi kiện yêu cầu bà [N](#) phải trả tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng, bà [N](#) vay với tư cách cá nhân, không có đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiêu dùng, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Bà [N](#) là bị đơn có nơi cư trú tại [huyện G](#), căn vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bà [N](#). Tuy nhiên, bà [N](#) không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, bà [N](#) đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện

bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà [N](#).

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 06/01/2021, bà [Thị N](#) ký kết hợp đồng tín dụng số: 7714LAV202100008 với [Ngân hàng N1](#) ([A chi nhánh B](#)); nội dung thỏa thuận Ngân hàng cho bà [N](#) vay số tiền là 80.000.000 đồng và thỏa thuận về tiền lãi, thời gian trả nợ; quyền, nghĩa vụ hai bên. Như vậy, việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa hai bên là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng; do đó, bà [N](#) và Ngân hàng phải thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Xét yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng N1](#) (gọi tắt là Ngân hàng), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù, hợp đồng tín dụng chưa đến thời hạn thanh toán nợ (ngày 05/01/2026), nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà [N](#) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ định kỳ, theo phụ lục kèm theo hợp đồng tín dụng ngày 06/01/2021 (bút lục từ 07 đến 10). Do đó, bà [N](#) đã vi phạm khoản 2, 3 Điều 5 của hợp đồng tín dụng; theo thỏa thuận, Ngân hàng có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với khách hàng trong trường hợp: Khách hàng vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không có biện pháp khắc phục khả thi được Ngân hàng chấp thuận. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng trước thời hạn là đúng theo Điều 6 của hợp đồng tín dụng và phù hợp theo Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng (nay là Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024) nên có căn cứ chấp nhận.

Về số tiền đã thanh toán và còn nợ: Nguyên đơn xác định, kể từ ngày giải ngân đến ngày 09/01/2024 bà [N](#) trả tiền vay vốn là 43.100.000 đồng, còn nợ lại là 36.900.000 đồng và trả tiền lãi tính đến ngày 15/8/2023 là 18.118.052 đồng, còn nợ tiền lãi kể từ ngày 16/8/2023 cho đến nay là hoàn toàn phù hợp với các chứng từ do nguyên đơn cung cấp; đồng thời, bà [N](#) không có ý kiến phản đối. Cho nên, có căn cứ xác định bà [N](#) còn nợ Ngân hàng tiền vay vốn và tiền lãi theo nguyên đơn đã xác định nêu trên; việc bà [N](#) không trả nợ theo định kỳ là vi phạm về hợp đồng tín dụng và vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Về tiền lãi: Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, lãi suất trong hạn là 11,5%/ năm (tại thời điểm ký kết), sau đó lãi suất được điều chỉnh là 12,5%/ năm (kể từ ngày 01/7/2023 cho đến nay), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, nếu bên vay chậm trả tiền lãi thì phải chịu phạt do chậm trả tiền lãi là 10%/ năm. Tuy nhiên, theo bảng kê tiền lãi do Ngân hàng cung cấp tại phiên tòa, chỉ yêu cầu bà [N](#) trả tiền lãi trong hạn, không yêu cầu trả tiền lãi quá hạn, không yêu cầu phạt chậm trả tiền lãi, Ngân hàng đã thực hiện đúng theo thỏa thuận, phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng (nay là Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024) và có lợi cho bà [N](#).

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà [N](#): Chấm dứt hợp đồng tín dụng số: 7714LAV202100008 ngày 06/01/2021 giữa Ngân hàng và bà [N](#) trước thời hạn. Buộc bà [N](#) phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ, tính đến ngày 27/8/2024, tổng cộng là 41.751.781 đồng (trong đó, tiền vay vốn là 36.900.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.851.781 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà [N](#) còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 7714LAV202100008 ngày 06/01/2021 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả [Ngân hàng N1 \(A chi nhánh B\)](#), tiền tạm ứng án phí đã nộp là 980.000 đồng, do ông [Trình Hoàng G](#) nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005615 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà [N](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là:

$41.751.781 \text{ đồng} \times 5\% = 2.087.589 \text{ đồng}$, tính tròn là 2.088.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 4 Điều 11, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng (nay là Điều 100 và Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024).

Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng N1](#) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà [Thị Ngọc](#).

Chấm dứt hợp đồng tín dụng số: 7714LAV202100008 ngày 06/01/2021 giữa bà [Thị N](#) và [Ngân hàng N1 \(A chi nhánh B\)](#) trước thời hạn. Buộc bà [Thị N](#) phải có nghĩa vụ trả cho [Ngân hàng N1 \(A chi nhánh B\)](#), số tiền còn nợ, tính đến ngày 27/8/2024, cụ thể như sau:

Tiền vay vốn là 36.900.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 4.851.781 đồng, tổng cộng là 41.751.781 đồng (bốn mươi một triệu bảy trăm năm mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/8/2024), bà [Thị Ngọc C](#) phải tiếp tục trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 7714LAV202100008 ngày 06/01/2021 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả cho [Ngân hàng N1 \(A chi nhánh B\)](#), tiền tạm ứng án phí đã nộp là 980.000 đồng (chín trăm tám mươi nghìn đồng), do ông [Trình Hoàng G](#) nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005615 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bà [Thị N](#) phải chịu án phí sơ thẩm là 2.088.000 đồng (hai triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng)

3. Về quyền kháng cáo: [Ngân hàng N1](#) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27/8/2024); bà [Thị N](#) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát